

với tầm nhìn làm phân tán sự chú ý của người lái xe ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

Điều 70. Các đơn vị quản lý giao thông và vệ sinh môi trường có trách nhiệm giữ gìn đường phố, vỉa hè sạch; phải kịp thời khôi phục các hư hỏng công trình giao thông, tín hiệu giao thông, sơn kẻ vạch trên đường đảm bảo cho giao thông an toàn thông suốt; phải áp dụng các biện pháp cần thiết để làm sạch mặt đường trước 6 giờ sáng hàng ngày.

Điều 71.

1. Cấm lưu hành trên đường phố các loại xe cơ giới sử dụng xăng pha chì (trừ xe đặc chủng), hoặc xả khói đen làm ô nhiễm môi trường.

2. Các loại xe cơ giới lưu hành trên đường phố phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn về nồng độ khí xả và âm thanh theo quy định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; phải được làm sạch bùn đất bám ngoài thân vỏ xe.

3. Cấm lưu hành trên đường phố các loại xe cơ giới không có bộ phận giảm thanh.

Điều 72.

1. Tại các đoạn phố, ngã đường giao nhau quá chật hẹp, khuất tầm nhìn phải đặt biển báo hiệu, tín hiệu cần thiết và có lối dành riêng cho người đi bộ sang ngang đường.

2. Tại nơi có trung tâm thương mại, nhà hát, trường học, bệnh viện phải bố trí lối dành riêng cho người đi bộ sang ngang đường thuận tiện cho lối ra vào các cơ sở đó.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 73. Điều lệ này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho Điều lệ Trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị

ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 29 tháng 5 năm 1995 của Chính phủ và Nghị định số 75/1998/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ.

Điều 74. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào tình trạng thực tế của cầu đường và theo quyền hạn quy định chi tiết để thi hành Điều lệ này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 39/2001/NĐ-CP ngày 13/7/2001 quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông ngày 02 tháng 12 năm 1991;

Căn cứ Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 1 năm 1989 và Pháp lệnh sửa đổi Điều 6 Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Điều lệ Trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị ban

hành kèm theo Nghị định số 36/2001/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2001 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính.

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị do Ủy ban nhân dân các cấp, Cảnh sát nhân dân và Thanh tra giao thông đường bộ tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định này.

3. Mọi hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị phải được phát hiện kịp thời; phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh; mọi hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định; tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính gây thiệt hại vật chất thì phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ xử lý phạt một lần.

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Người có thẩm quyền xử phạt quyết định hình thức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm;

nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì được cộng lại thành mức phạt chung.

Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

5. Việc xử phạt hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức xử phạt và các biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của Nghị định này.

6. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 2. Mức tiền phạt khi xử phạt hành chính có tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

1. Tùy theo mức độ, tính chất vi phạm mức tiền xử phạt có thể tăng hoặc giảm so với mức quy định, nhưng mức phạt cao nhất không được vượt quá 1,5 lần và mức phạt thấp nhất không được dưới 0,5 lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm đã được quy định tại Nghị định này.

2. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng áp dụng theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và xử lý vi phạm của người có thẩm quyền trong khi thực hiện nhiệm vụ.

1. Người có thẩm quyền xử phạt hành chính phải xử phạt đúng người, đúng vi phạm, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, kiến nghị ngay với các cơ quan hữu quan thực hiện ngay những biện pháp cần thiết để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ công trình giao thông.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành

chính mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt quá quyền hạn quy định thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HÀNH VI VI PHẠM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐÔ THỊ

Điều 4. Xử phạt đối với các hành vi xâm phạm công trình giao thông đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

1. Phạt tiền 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Trồng cây trong phạm vi bảo vệ đường làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông;

b) Phơi rơm rạ, nông sản, thực phẩm và các thứ khác trên đường bộ;

c) Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được phép trong khu vực bến tàu, bến xe, nhà chờ.

2. Phạt tiền 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Dựng cổng chào, đặt, treo biển quảng cáo hoặc các vật che chắn khác trong phạm vi bảo vệ công trình giao thông gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông;

b) Để vật liệu xây dựng hoặc bất cứ vật gì khác trên đường bộ gây cản trở trật tự an toàn giao thông.

3. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với hành vi tự ý di chuyển mốc chỉ giới của đường giao thông.

4. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với hành vi trộm cắp, tháo dỡ, làm hư hỏng cấu kiện, phụ kiện ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức còn buộc phải thực hiện ngay:

a) Vi phạm điểm a khoản 1 Điều này, thì phải nhổ bỏ cây trồng;

b) Vi phạm điểm a khoản 2 Điều này, thì phải dỡ bỏ công trình xây dựng trái phép;

c) Vi phạm điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này thì phải thu dọn rơm rạ, nông sản, thực phẩm, vật liệu xây dựng hoặc các vật khác đã để trên đường giao thông;

d) Vi phạm khoản 3, khoản 4 Điều này thì phải khôi phục trạng thái ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm gây ra.

Điều 5. Xử phạt cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về thi công, duy tu, sửa chữa và quản lý công trình giao thông đường bộ.

1. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có giấy phép của cơ quan quản lý giao thông đường bộ hoặc có giấy phép nhưng không thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý trực tiếp công trình đường bộ mà tiến hành các hoạt động thi công, sửa chữa các công trình trong phạm vi bảo vệ công trình giao thông đường bộ hoặc có liên quan trực tiếp đến công trình giao thông đường bộ;

b) Không phục hồi nguyên trạng công trình giao thông, không thông báo bằng văn bản cho cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ sau khi đã hoàn thành công trình.

2. Phạt tiền 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cấm hoặc cấm không đủ theo quy định các biển báo hiệu, cọc tiêu di động; không đặt rào chắn, không đặt đèn đỏ vào ban đêm tại hai đầu đường phải đình chỉ giao thông;

b) Không có biện pháp xử lý kịp thời và biện pháp hướng dẫn giao thông, ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện công trình giao thông đường bộ bị hư hỏng đe dọa an toàn giao thông;

c) Không bố trí người hướng dẫn, điều khiển giao thông khi thi công ở chỗ đường hẹp phải vừa làm vừa cho xe đi; hoặc ở hai đầu cầu, cống, đường ngầm đang thi công;

d) Không thu dọn ngay các biển báo hiệu, rào chắn, phương tiện và các vật liệu khác khi thi công xong;

đ) Để vật liệu, đất đá, phương tiện thi công, xe máy ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông.

3. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với cơ quan trực tiếp quản lý công trình giao thông khi có một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông tại các đèo, dốc và các đoạn đường nguy hiểm;

b) Không tổ chức hướng dẫn giao thông và đình chỉ giao thông theo quy định giao thông trong mùa mưa lũ, bão lụt hoặc có sự cố khác gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông;

c) Sử dụng phương tiện, máy chuyên dùng không đủ tiêu chuẩn an toàn để thi công.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm tại Điều này phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định.

Tùy mức độ vi phạm, người phụ trách đơn vị thi công của Nhà nước, cơ quan trực tiếp quản lý công trình giao thông còn bị xử lý kỷ luật, nếu

gây hậu quả nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 6. Xử phạt cá nhân, tổ chức vi phạm làm hư hại công trình giao thông đường bộ, gây ảnh hưởng trật tự an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Be bờ, tát nước qua mặt đường giao thông;

b) Đặt các loại ống trên mặt đường giao thông.

2. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Khoan, đào, xẻ đường giao thông trái phép;

b) Không khôi phục lại những đoạn đường giao thông được tạm thời cho phép khoan, đào, xẻ, bạt ngay sau khi hoàn thành công trình;

c) Làm hư hại mất tác dụng hệ thống thoát nước của công trình giao thông;

d) Tự ý mở đường ngang qua đường bộ, đường có giải phân cách.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Điều này còn buộc phải thực hiện:

a) Vi phạm điểm b khoản 1 Điều này, thì phải tháo dỡ ngay đường ống đặt trái phép.

b) Vi phạm điểm a khoản 1, khoản 2 Điều này thì phải khôi phục ngay tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm gây ra.

Điều 7. Xử phạt cá nhân, tổ chức vi phạm trật tự quản lý hè, đường đô thị.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền 20.000 đồng đối với một trong các hành vi: đá bóng, đá cầu, chơi cầu lông hoặc các hoạt động khác trên lòng đường, vỉa hè gây ảnh hưởng trật tự an toàn giao thông.

2. Phạt tiền 50.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lấn chiếm vỉa hè, đường để họp chợ, bày bán hàng hóa;

b) Làm mái che trên vỉa hè, đường đô thị gây cản trở giao thông hoặc làm mất mỹ quan thành phố;

c) Chiếm dụng vỉa hè, lòng đường để đặt biển hiệu, biển quảng cáo, buôn bán vật, sửa chữa xe đạp, sửa chữa ô tô, mô tô, xe gắn máy, hoạt động dịch vụ nhỏ ở những nơi không được phép;

d) Để phương tiện giao thông trên vỉa hè, lòng đường trái quy định;

đ) Xây dựng trái phép cầu lên xuống để phương tiện đi từ lòng đường lên vỉa hè hoặc từ vỉa hè vào nhà;

e) Trượt patanh hoặc chơi các trò chơi, các môn thể thao khác trên đường giao thông.

3. Phạt tiền 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chiếm dụng vỉa hè trái phép làm nơi trông giữ xe đạp, xe gắn máy, ô tô;

b) Để vật liệu xây dựng và các loại vật liệu khác trên vỉa hè, lòng đường đô thị.

4. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mở bến, trạm đỗ xe không đúng nơi quy định;

b) Lập bến, bãi trông giữ xe không đúng nơi quy định.

5. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chiếm dụng vỉa hè, lòng đường để làm nơi buôn bán vật liệu xây dựng, làm mất bằng kinh doanh sản xuất, kinh doanh dịch vụ;

b) Lấn chiếm vỉa, lòng đường để xây dựng công trình trái phép.

6. Ngoài việc phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d khoản 2, khoản 4 Điều này, thì phải tháo dỡ ngay công trình trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm gây ra. Nếu cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm không thực hiện việc tháo dỡ công trình trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu thì sẽ bị cưỡng chế dỡ bỏ và phải chịu mọi phí tổn cho việc cưỡng chế.

Điều 8. Xử phạt người đi xe đạp vi phạm quy định về trật tự, an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 10.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đi xe đạp không đúng phần đường quy định, đi trên hè phố, trong vườn hoa hoặc công viên;

b) Dùng ô, dù để che mưa nắng hoặc sử dụng điện thoại di động khi điều khiển xe đạp;

c) Dừng xe ở lòng đường, ở những nơi gây cản trở giao thông.

2. Phạt tiền 20.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Qua đường, qua cầu, qua phà, qua đoạn đường nguy hiểm mà không tuân theo đèn báo, biển báo, các tín hiệu giao thông khác hoặc sự chỉ dẫn của người có trách nhiệm hướng dẫn giao thông;

b) Đi xe hàng ngang từ 3 xe trở lên;

c) Đỗ, dừng xe vượt quá giới hạn quy định tại các đường giao nhau khi có tín hiệu đèn hoặc hiệu lệnh dừng xe của cảnh sát giao thông;

d) Không báo hiệu bằng tay cho các xe đi sau biết trước khi rẽ;

đ) Xe thô, xe đạp chở hàng hóa công kênh vượt quá giới hạn quy định, vi phạm quy định về thời gian và tuyến đường được phép hoạt động;

e) Không nhường đường cho xe cơ giới.

3. Phạt tiền 50.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bám vào xe có động cơ, mang vác công kênh; kéo theo đồ vật khác hoặc dắt súc vật chạy theo; chở người trên ghi đông hoặc trên thanh ngang xe đạp; chở quá số người quy định; chở hàng dễ cháy, dễ nổ trái quy định;

b) Buông thả hai tay khi đang điều khiển xe; lồi, kéo hoặc đẩy xe khác; vượt ẩu; rẽ trước đầu xe cơ giới đang chạy;

c) Lạng lách, di kiểu đánh vòng; đuổi nhau trên đường phố;

d) Đi xe từ trong nhà, trong ngõ, trong hẻm ra đường hoặc ngược lại không quan sát trước gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông;

đ) Đi vào đường ngược chiều, đường cấm, đường dành riêng cho xe có động cơ, khu vực cấm xe đạp.

4. Phạt tiền 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đua xe đạp trái phép;

b) Gây tai nạn rồi bỏ chạy.

5. Phạt tiền 1.000.000 đồng và tịch thu xẻ đối với người đua xe trái phép mà chống người thi hành công vụ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đua xe đạp trái phép.

Điều 9. Xử phạt người điều khiển xe súc vật kéo, người kéo, đẩy xe vi phạm trật tự, an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 30.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đi đúng phần đường dành riêng cho mỗi loại xe;

b) Đi vào đường cấm, khu vực có biển báo "cấm";

c) Dùng xe đẩy làm quấy hàng hóa lưu động

trên đường trái quy định, gây cản trở trật tự an toàn giao thông.

2. Phạt tiền 50.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đi hàng ngang từ hai xe trở lên;

b) Để súc vật kéo xe mà không có người điều khiển; không đủ dụng cụ đựng các chất thải của súc vật hoặc không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường;

c) Không có đèn hiệu, tín hiệu theo quy định;

d) Qua đường, qua cầu, qua phà, qua đoạn đường nguy hiểm, mà không tuân theo đèn báo, biển báo, các tín hiệu giao thông khác, hoặc sự chỉ dẫn của cảnh sát giao thông, của nhân viên hướng dẫn giao thông;

đ) Không tuân theo các quy định về phân luồng, phân tuyến, nguyên tắc nhường đường;

e) Dừng xe vượt quá giới hạn quy định khi có tín hiệu đèn đỏ, hoặc hiệu lệnh dừng xe của cảnh sát giao thông;

g) Điều khiển phương tiện chạy cắt ngang đoàn xe, đoàn người;

h) Điều khiển xe không đúng thời gian cho phép hoặc các loại xe bị cấm lưu hành trong đô thị;

i) Không báo hiệu bằng tay khi chuyển hướng.

3. Phạt tiền 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định; chở hàng dễ cháy, dễ nổ không đúng quy định;

b) Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, báo hiệu an toàn;

c) Gây tiếng động lớn tại các khu đông dân cư khi xếp, dỡ hàng hóa trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ sáng.

4. Phạt tiền 500.000 đồng đối với hành vi đua xe súc vật kéo trái phép.

5. Phạt tiền 1.000.000 đồng và tịch thu xe và súc vật đối với hành vi đua xe súc vật mà chống người thi hành công vụ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 10. Xử phạt người điều khiển xe xích lô, xe đạp lôi và các loại xe khác có kết cấu tương tự vi phạm trật tự an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 30.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xe chở người không bảo đảm tiêu chuẩn quy định;

b) Xe chở quá 2 người lớn; để người ngồi trên thành xe; chở hàng hóa công kênh quá chiều dài, chiều cao, chiều rộng cho phép.

2. Phạt tiền 50.000 đồng và tịch thu xe đối với hành vi điều khiển xe không có đăng ký, xe không gắn biển số nếu ở địa phương có quy định phải đăng ký và có biển số, gắn biển số giả.

3. Phạt tiền 500.000 đồng đối với hành vi: đua xe xích lô, đua xe đạp lôi, chở hàng dễ cháy, dễ nổ không theo quy định.

4. Trong trường hợp người điều khiển xe xích lô, xe đạp lôi có hành vi vi phạm quy định tại Điều 8 của Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định của điều đó.

Điều 11. Xử phạt người điều khiển mô tô, xe gắn máy, xe gắn máy lôi, xích lô máy và các loại xe có kết cấu tương tự vi phạm trật tự an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 20.000 đồng đối với người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm khi đi trên tuyến đường quy định phải đội mũ bảo hiểm.

2. Phạt tiền 50.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đi trên vỉa hè; đi không đúng phần đường quy định;

b) Dùng ô, dù che nắng, che mưa hoặc sử dụng điện thoại di động khi điều khiển các loại xe quy định tại Điều này;

c) Đỗ xe, dừng xe ở lòng đường, ở những nơi có biển báo cấm đỗ, cấm dừng;

d) Người điều khiển các loại xe quy định ở Điều này chở quá số người quy định, hoặc chở hàng hóa công kênh; điều khiển các loại xe này đi hàng ngang từ hai xe trở lên;

đ) Điều khiển các loại xe quy định tại Điều này khi chưa đủ 16 tuổi;

e) Dùng đèn pha, còi hơi trong thành phố, thị xã, thị trấn; dùng còi ở những nơi cấm dùng còi hoặc làm mất yên tĩnh từ 22 giờ đến 5 giờ sáng ngày hôm sau; không báo hiệu xin đường khi chuyển hướng đi hoặc đến chỗ tầm nhìn bị hạn chế;

g) Tụ tập thành đám đông từ 3 xe trở lên dưới lòng đường, trên cầu;

h) Không mang theo Đăng ký mô tô, xe gắn máy.

3. Phạt tiền 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định; đi vào đường cấm hoặc đi vào khu vực cấm;

b) Không nhường đường cho xe ưu tiên hoặc xe khác đã có tín hiệu xin vượt theo quy định;

c) Qua đường, qua cầu, qua phà, đi trên đoạn đường nguy hiểm mà không tuân theo đèn báo, biển báo, các tín hiệu chỉ huy giao thông khác hoặc chỉ dẫn của cảnh sát giao thông hoặc của nhân viên có trách nhiệm hướng dẫn giao thông;

d) Dùng mô tô, xe gắn máy, xe máy lôi, xích lô máy để kéo, đẩy, dắt súc vật, kéo theo đồ vật, hoặc bám vào xe khác;

d) Điều khiển xe thiếu còi, phanh, đèn hoặc có những thứ đó nhưng không còn tác dụng; xe có biển số mờ hoặc bị bể cong;

e) Điều khiển xe dùng còi xe ô tô, gắn ống xả không có bộ phận giảm thanh hoặc ống xả tăng tốc;

g) Điều khiển xe gắn máy, mô tô, xe máy lái, xích lô máy không có Giấy phép lái xe theo quy định; cho thuê hoặc mượn Giấy phép lái xe;

h) Không chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát của cảnh sát giao thông khi vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông;

i) Không chuyển vùng hoặc chuyển quyền sở hữu phương tiện theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe máy chạy tốc độ cao từ trong nhà, ngõ, hẻm ra đường chính và ngược lại;

b) Điều khiển xe không đăng ký, hoặc xe có đăng ký nhưng gắn biển số không đúng số trong giấy đăng ký, xe không có biển số hoặc biển số giả.

5. Phạt tiền 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; vượt ẩu; sử dụng xe không có bộ phận giảm thanh; dùng chân chống quẹt xuống đường khi xe đang chạy; điều khiển xe dàn hàng ngang chạy cùng tốc độ trên đoạn đường dài từ 50m trở lên;

b) Điều khiển xe trên đường mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 80mg/100ml máu hoặc 40mg/1lít khí thở hoặc sử dụng ma túy, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng;

c) Sau khi gây tai nạn không giữ nguyên hiện trường;

d) Sử dụng đèn, còi, cờ ưu tiên không đúng quy định hoặc không có quyền ưu tiên mà sử dụng đèn, còi, cờ ưu tiên.

6. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tẩy xóa hoặc sửa chữa hồ sơ, giấy đăng ký xe, số máy, số khung nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Chở hàng dễ cháy, dễ nổ không theo quy định.

7. Phạt tiền 5.000.000 đồng đối với các hành vi sau đây:

a) Sử dụng xe mô tô có dung tích từ 175cm³ trở lên trái quy định;

b) Thay đổi đặc tính của xe;

c) Gây tai nạn rồi bỏ trốn;

d) Lạng lách, đánh võng, điều khiển xe đuổi nhau gây tai nạn nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; không chấp hành lệnh dừng xe của người thi hành công vụ; đi xe một bánh trên đường giao thông.

8. Ngoài việc bị phạt tiền người điều khiển xe gắn máy, mô tô, xe máy lái, xích lô máy vi phạm các quy định tại Điều này còn bị xử lý như sau:

a) Vi phạm điểm b khoản 4, điểm a khoản 5 Điều này thì bị tước Giấy phép lái xe trong 60 (sáu mươi) ngày;

b) Vi phạm khoản 7 Điều này thì bị tước Giấy phép lái xe không thời hạn, nếu tái phạm thì bị tịch thu xe; bồi thường thiệt hại gây ra;

c) Vi phạm điểm c khoản 7 Điều này thì phải bồi thường thiệt hại;

d) Vi phạm điểm e khoản 3, điểm d khoản 5 Điều này thì bị tịch thu còi, đèn, cờ, ống xả.

Điều 12. Xử phạt người đua xe gắn máy, đua

mô tô trái phép, người tổ chức, người kích động đua xe trái phép.

1. Phạt tiền 500.000 đồng đối với người tụ tập để cổ vũ, kích động đua xe trái phép.

2. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kích động đua xe trái phép mà có hành vi cản trở người thi hành công vụ;

b) Điều khiển xe chạy theo đoàn xe đua trái phép.

3. Phạt tiền 10.000.000 đồng đối với người đua xe trái phép.

4. Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đua xe trái phép mà chống người thi hành công vụ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Tái phạm đua xe trái phép.

5. Phạt tiền 50.000.000 đồng đối với người tổ chức đua xe trái phép, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Ngoài việc bị phạt tiền người đua xe gắn máy, mô tô trái phép có hành vi vi phạm quy định tại một trong các điểm của khoản 4 Điều này thì còn bị tịch thu xe, bị tước Giấy phép lái xe không thời hạn; vi phạm điểm b khoản 2 Điều này còn bị tước Giấy phép lái xe 90 ngày.

Điều 13. Xử phạt người điều khiển xe ô tô vi phạm trật tự an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 20.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và người ngồi trên ghế bên cạnh người điều khiển không thắt dây an toàn khi xe đang chạy mà xe có thiết kế, có trang bị dây an toàn.

2. Phạt tiền 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển các loại xe ô tô đi không đúng phần đường, làn đường, tuyến đường, thời gian quy định;

b) Đỗ xe, dừng xe, tránh xe, vượt xe, lùi xe, quay đầu xe, rẽ phải hoặc trái, rẽ không đúng quy định;

c) Dùng còi hơi trong thành phố, thị xã, thị trấn hoặc dùng còi ở nơi có biển báo cấm dùng còi, dùng còi ban đêm từ 22 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau trong thành phố, thị xã, thị trấn; dùng đèn pha từ 19 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau khi có xe chạy ngược lại;

d) Biển số bị mờ, bị che lấp hoặc không đủ biển số theo quy định; gắn biển số không đúng vị trí quy định;

đ) Điều khiển xe thiếu còi, đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu, cần gạt nước mưa, kính chắn gió, gương chiếu hậu.

3. Phạt tiền 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe đi vào đường ngược chiều, đi vào đường cấm đối với từng loại xe;

b) Điều khiển xe tốc độ cao từ trong ngõ, hẻm, đường phụ ra đường chính hoặc ngược lại;

c) Không nhường đường cho xe khác khi có tín hiệu xin vượt hoặc không nhường đường cho xe đi trên đường chính;

d) Qua đường, qua cầu, qua phà, qua các đoạn đường nguy hiểm mà không tuân theo đèn báo hiệu biển báo, các tín hiệu giao thông hoặc sự chỉ dẫn của cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông đường bộ, nhân viên hướng dẫn giao thông;

đ) Điều khiển xe chở đất, cát, vật liệu xây dựng hoặc các loại hàng hóa khác không có dụng cụ che phủ hoặc không có biện pháp đảm bảo an toàn;

e) Không chở người đi cấp cứu khi đi qua những nơi có tai nạn;

g) Điều khiển xe không có phanh, xe đi ban đêm không có đủ đèn chiếu sáng theo quy định;

h) Xe gắn biển số giả;

i) Giấy phép lái xe hết hạn nhưng còn trong thời hạn được đổi, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hết hạn mà xe chưa kiểm định lại.

4. Phạt tiền 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không nhường đường cho xe ưu tiên;

b) Dùng xe đẩy, kéo xe khác, kéo sơ mi, rơ moóc không đúng quy định;

c) Chở hàng hóa, đồ vật cồng kềnh, quá chiều cao, chiều dài, chiều rộng cho phép;

d) Chở tre, nứa, sắt thép hoặc các vật liệu khác kéo lê trên đường hoặc không có biện pháp an toàn;

đ) Người điều khiển xe không đúng tuổi quy định;

e) Không chấp hành hoặc ngăn cản sự kiểm tra, kiểm soát, chỉ dẫn của cảnh sát giao thông hoặc người hướng dẫn giao thông khi vi phạm;

g) Cho mượn, cho thuê Giấy phép lái xe; giao xe không an toàn cho lái xe hoặc giao xe cho người không có Giấy phép lái xe;

h) Không bảo đảm khoảng cách an toàn ở nơi có biển quy định khoảng cách tối thiểu giữa các xe;

i) Đỗ xe, dừng xe, mở cửa xe gây tai nạn cho người khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

k) Xếp hàng hóa lệch trọng tâm.

5. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe trong tình trạng dùng rượu, bia quá nồng độ quy định hoặc ma túy, chất kích thích khác;

b) Người tập lái xe mà không có Giấy phép tập lái; không có trợ giáo ngồi bên cạnh; xe không có biển "Tập lái" theo quy định; không trang bị thêm bộ phận phanh phụ và gương phản hậu; xe chạy trên đường giao thông công cộng mà không được phép; xe chạy sai tuyến đường, phạm vi quy định;

c) Chở hàng hóa vượt quá trọng tải cho phép của xe;

d) Dùng xe tải chở người mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc thực hiện sai quy định;

đ) Điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp với loại xe đang điều khiển; điều khiển xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, hoặc điều khiển xe không đăng ký, không chuyển vùng theo quy định của pháp luật;

e) Tẩy xóa hoặc sửa chữa Giấy chứng nhận đăng ký, số máy, số khung, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, các loại giấy tờ khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Sử dụng một trong các loại giấy tờ giả sau: Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, Giấy chứng nhận đăng ký xe;

h) Người điều khiển ô tô vi phạm mà chống lại người thi hành công vụ khi bị xử lý nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Gây tai nạn rồi chạy trốn, không đến cơ quan có thẩm quyền trình báo nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Thay đổi tổng thành, linh kiện, phụ tùng để trốn tránh việc kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Phạt tiền 5.000.000 đồng đối với hành vi chở các chất độc hại, chất dễ cháy, chất dễ nổ không theo đúng quy định hoặc dùng đồ xe chở những chất kể trên ở nơi đông người, ở những công trình quan trọng.

8. Phạt tiền 20.000.000 đồng đối với người đua ô tô trái phép

Trong trường hợp đua ô tô trái phép mà chống lại người thi hành công vụ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc tái phạm đua ô tô trái phép thì phạt tiền 50.000.000 đồng, tịch thu xe và tước Giấy phép lái xe.

9. Ngoài việc bị phạt tiền quy định ở Điều này, người điều khiển ô tô còn bị áp dụng các hình thức xử phạt sau:

a) Vi phạm điểm a khoản 5, hoặc điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này thì bị tước Giấy phép lái xe trong thời hạn 90 ngày;

b) Vi phạm điểm a khoản 6 Điều này thì phải bồi thường thiệt hại;

c) Vi phạm điểm c khoản 5 Điều này phải hạ tải mới được tiếp tục hành trình.

Điều 14. Xử phạt người điều khiển xe ô tô chở khách và hành khách trên xe vi phạm trật tự, an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 100.000 đồng đối với những hành vi khách có một trong các hành vi sau đây:

a) Gây mất trật tự trên xe;

b) Cản trở việc vận chuyển hành khách;

c) Đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của

hành khách, người điều khiển xe, phụ xe nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Đu bám, ngồi trên nóc xe hoặc có hành vi khác không bảo đảm an toàn khi xe đang chạy.

2. Phạt tiền 200.000 đồng đối với người điều khiển xe khách có một trong các hành vi sau đây:

a) Để hành khách ngồi trên xe khi xe lên xuống phà, khi xe đang ở trên phà;

b) Đón trả khách khi xe đang chạy, không đúng bến, không đúng nơi quy định, nơi cấm dừng, cấm đỗ, nơi đường cong tầm nhìn bị che khuất;

c) Không đóng cửa lên xuống khi xe đã chuyển bánh.

3. Phạt tiền 500.000 đồng đối với người điều khiển xe khách có một trong những hành vi sau đây:

a) Để người đu, bám ở cửa xe, ngồi trên thành xe, nóc xe;

b) Sang khách, nhượng khách dọc đường cho xe khác mà không được hành khách đồng ý;

c) Chở người vượt quá số quy định cho từng loại xe;

d) Chở cùng với hành khách súc vật, hàng hôi thối hoặc những chất làm ảnh hưởng đến sức khỏe;

e) Xuống khách để trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;

f) Chở chung hành khách và hàng hóa trong khoang chở khách, để hàng hóa, hành lý không đúng nơi quy định;

g) Dùng xe quá thời hạn sử dụng để chở khách.

4. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với hành vi chở các chất độc hại, các chất dễ gây cháy, nổ trên xe cùng với hành khách.

5. Ngoài bị phạt tiền, người điều khiển xe ô tô

chở khách có hành vi vi phạm các quy định tại Điều này còn buộc phải:

a) Vi phạm điểm a, c khoản 2; điểm a, c, d khoản 3; khoản 4 Điều này thì phải thực hiện ngay các biện pháp để khắc phục bảo đảm an toàn giao thông;

b) Vi phạm điểm c khoản 3, khoản 4 Điều này còn bị tước Giấy phép lái xe trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày.

6. Người điều khiển xe ô tô chở khách vi phạm các quy định tại Điều 13 của Nghị định này thì còn bị xử phạt theo quy định của Điều đó.

Điều 15. Xử phạt người điều khiển xe lam, xe "Công nông", xe "Bông sen" và các loại xe có tiêu chuẩn kỹ thuật tương tự vi phạm trật tự, an toàn giao thông.

1. Phạt 100.000 đồng đối với người điều khiển xe lam có một trong các hành vi sau đây:

- a) Để hành khách ngồi bên cạnh lái xe;
- b) Không có ghế ngồi cho hành khách;
- c) Để người khác đu, bám xe;
- d) Xếp hàng hóa trên nóc xe;
- đ) Không đủ đèn chiếu sáng, đèn phanh và các loại đèn tín hiệu theo quy định.

2. Phạt tiền 500.000 đồng đối với người điều khiển xe "Công nông", xe "Bông sen" và những loại xe có tiêu chuẩn kỹ thuật tương tự có một trong những hành vi sau đây:

- a) Chở người;
- b) Không có đủ đèn, còi, phanh hoặc có những thứ đó nhưng không còn tác dụng;
- c) Chở hàng dễ cháy, dễ nổ không theo quy định.

3. Người điều khiển xe lam, xe "Công nông", xe "Bông sen" và những xe có tiêu chuẩn kỹ thuật

tương tự vi phạm các quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 17 Nghị định này thì bị xử phạt theo các quy định tại Điều đó.

Điều 16. Xử phạt người điều khiển xe bánh xích, xe quá tải trọng giới hạn của cầu đường, quá khổ giới hạn của cầu đường vi phạm trật tự an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe chạy trên đường, qua cầu, phà mà không có Giấy phép hoặc Giấy phép đã quá hạn;

b) Không đi đúng tuyến đường ghi trong Giấy phép.

2. Phạt tiền 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây (trừ xe đã được cấp Giấy phép lưu hành đặc biệt):

a) Chở hàng với tổng trọng của xe sau khi trừ sai số cho phép mà vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường tới mức 2%;

b) Chở hàng vượt khổ giới hạn cho phép của cầu đường theo chiều cao dưới 50 cm hoặc theo chiều ngang dưới 20 cm hoặc theo chiều dài dưới 150 cm.

3. Phạt tiền 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chở hàng có tổng trọng sau khi trừ sai số cho phép mà vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 2%;

b) Chở hàng vượt quá khổ giới hạn cho phép của cầu đường trên mức quy định tại điểm b khoản 2 của Điều này.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện có hành vi quy định tại Điều này còn bị tước Giấy phép lái xe trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, buộc phải hạ tải ngay phần quá tải, dỡ phần quá khổ; mọi chi phí phát sinh và

phương tiện để hạ tải, dỡ hàng quá khổ do chủ xe và người điều khiển phương tiện chịu.

Điều 17. Xử phạt vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn của xe ô tô:

1. Phạt tiền 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe có lốp không đúng kích cỡ, tiêu chuẩn kỹ thuật;

b) Hệ thống chuyển hướng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với hành vi làm thay đổi hình dáng, kích thước, khung vỏ xe hoặc hệ thống phanh, hệ thống truyền động, chuyển động không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

3. Phạt tiền 3.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi tổng thành, khung máy móc hoặc thay đổi đặc tính của xe mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

4. Phạt tiền 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng xe ô tô có hệ thống điều khiển bên phải.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi quy định tại Điều này còn buộc phải thực hiện:

a) Vi phạm khoản 3 Điều này, nếu lái xe là chủ xe thì bị tước Giấy phép lái xe trong thời hạn 180 (một trăm tám mươi) ngày và thu hồi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

b) Vi phạm khoản 4 Điều này thì bị tịch thu xe.

Điều 18. Xử phạt cá nhân, tổ chức có hành vi gây ô nhiễm môi trường trong giao thông đường bộ và giao thông đô thị.

1. Phạt tiền 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Làm đổ dầu nhờn, bùn lầy trên mặt đường giao thông;

b) Người điều khiển xe do súc vật kéo không thực hiện các biện pháp giữ gìn vệ sinh;

c) Người kéo xe, đẩy xe, mang vác mà để đất, cát, rác hoặc các chất phế thải khác rơi vãi trên đường giao thông;

d) Để súc vật phóng uế trên vỉa hè, lòng đường giao thông đô thị;

đ) Phóng uế trên vỉa hè, lòng đường giao thông đô thị;

e) Vứt xác súc vật, rác hoặc các chất phế thải khác ra lòng đường giao thông, ra vỉa hè, lòng đường giao thông đô thị;

g) Điều khiển xe bị bẩn (xe bánh xích, xe ô tô, xe lam, xe "Bông sen" hoặc các loại xe có kỹ thuật tương tự) đi vào thành phố, đô thị.

2. Phạt tiền 500.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, xe lam, xe "Bông sen" và các loại xe có tiêu chuẩn kỹ thuật tương tự có một trong các hành vi sau đây:

a) Thải khói quá giới hạn cho phép, thải bụi, mùi hôi thối gây hại vào không khí; gây tiếng ồn quá quy định;

b) Thải dầu, mỡ, hóa chất độc hại xuống đường giao thông;

c) Để đất, cát, rác hoặc các chất phế thải rơi vãi ra đường giao thông.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại Điều này còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm gây ra.

Điều 19. Xử phạt cá nhân, tổ chức có vi phạm khác về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền 20.000 đồng đối với người đi bộ không đúng phần đường hoặc không tuân theo đèn báo, biển báo, các tín hiệu giao thông khác hoặc sự chỉ dẫn của cảnh sát giao thông, nhân viên hướng dẫn giao thông.

2. Phạt tiền 50.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đẻ trâu, bò, lừa, ngựa hoặc gia súc chạy rông trên đường giao thông;

b) Cưỡi trâu, bò, lừa, ngựa hoặc gia súc khác đi trong thành phố, thị xã và những nơi có quy định cấm.

3. Phạt tiền 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ném gạch, đất đá, cát hoặc bất cứ một vật gì khác vào người hoặc phương tiện giao thông;

b) Không đặt báo hiệu tạm thời, không kịp thời báo cho chính quyền địa phương, đơn vị trực tiếp quản lý giao thông, hoặc cảnh sát giao thông nơi gần nhất khi phát hiện công trình giao thông đường bộ không bảo đảm an toàn.

4. Phạt tiền 200.000 đồng đối với hành vi đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau gây mất trật tự trên đường phố, trên các phương tiện giao thông, làm ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

5. Phạt tiền 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đặt, rải bàn chông hoặc các vật sắc nhọn khác trên đường giao thông;

b) Tự ý căng dây, đặt chướng ngại vật gây cản trở giao thông;

c) Không bố trí phương tiện và không có biện pháp phòng ngừa tai nạn khi chặt cành, hạ cây ven đường giao thông;

d) Lợi dụng tai nạn giao thông để chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Dùng thủ đoạn tạo ra tai nạn giả để đòi bồi thường;

g) Sản xuất, buôn bán biển số phương tiện cơ giới đường bộ mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi quy định tại Điều này thì còn buộc phải:

a) Vi phạm điểm b khoản 5 Điều này, thì phải tháo dỡ ngay vật cản giao thông;

b) Vi phạm điểm b khoản 3, điểm a, c khoản 5 Điều này, thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn giao thông;

c) Vi phạm điểm g khoản 5 Điều này thì bị thu hồi biển số và các thiết bị, dụng cụ sản xuất biển số, đình chỉ ngay việc sản xuất, buôn bán biển số phương tiện cơ giới đường bộ.

Điều 20. Xử phạt tổ chức, cá nhân vi phạm các điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông.

1. Phạt tiền 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các điều kiện kinh doanh bãi đậu xe.

2. Phạt tiền 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm điều kiện kinh doanh bến xe.

3. Phạt tiền 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm điều kiện kinh doanh vận tải hàng siêu trường, siêu trọng.

4. Phạt tiền 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm điều kiện kinh doanh vận tải hành khách hoặc vận tải quốc tế.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VỀ VI PHẠM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐÔ THỊ

Điều 21. Phân định thẩm quyền xử phạt hành chính.

1. Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

2. Thanh tra giao thông đường bộ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 9, điểm b khoản 2 Điều 13, điểm e, k khoản 4 Điều 13, điểm c, d, đ khoản 5 Điều 13, điểm a, b khoản 2 Điều 14, Điều 16, Điều 18, khoản 1, 2, 3 điểm a, b, c khoản 5, 6 Điều 19 và Điều 20 của Nghị định này.

3. Lực lượng cảnh sát nhân dân có thẩm quyền xử phạt với tất cả các hành vi xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị được quy định trong Nghị định này.

4. Trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

Điều 22. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền không quá 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị đến 500.000 đồng;
- d) Buộc bồi thường thiệt hại không quá 500.000 đồng;
- đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền không quá 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu như trước khi vi phạm hành chính gây ra, buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

đ) Buộc bồi thường thiệt hại không quá 1.000.000 đồng;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền không quá 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;
- d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu như trước khi vi phạm hành chính gây ra, buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;
- đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra;
- e) Buộc bồi thường thiệt hại không quá 1.000.000 đồng.

Điều 23. Thẩm quyền xử phạt của cảnh sát nhân dân.

1. Chiến sỹ cảnh sát nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền không quá 100.000 đồng.
2. Thủ trưởng trực tiếp của chiến sỹ cảnh sát nhân dân có quyền:
- a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền không quá 200.000 đồng;
 - c) Buộc bồi thường thiệt hại không quá 500.000 đồng.

3. Trưởng công an xã, phường, thị trấn được áp dụng các hình thức xử phạt hành chính, áp

dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này.

4. Trưởng công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền không quá 2.000.000 đồng;
- c) Tước Giấy phép lái xe;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra, buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

g) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra không quá 1.000.000 đồng.

5. Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Trưởng Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Thủ trưởng đơn vị đặc nhiệm, đơn vị cảnh sát cơ động cấp đại đội và tương đương trở lên có quyền xử phạt như Trưởng công an cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ và đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt đến 20.000.000 đồng;
- c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 4 Điều 23 của Nghị định này.

Điều 24. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra giao thông đường bộ.

1. Thanh tra viên giao thông đường bộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt không quá 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị không quá 500.000 đồng;
- d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra, tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn giao thông.

2. Trưởng Ban Thanh tra giao thông đường bộ thuộc các Khu quản lý đường bộ, các Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt không quá 10.000.000 đồng đối với vi phạm quy định trong Nghị định này;
- c) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra không quá 1.000.000 đồng;

d) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Thu nộp tiền phạt.

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị bị phạt tiền thì phải nộp tiền tại nơi quy định. Nếu trốn tránh hoặc nộp không đúng thời hạn để dây dưa kéo dài thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm người xử phạt và người bị xử phạt thu, nộp tiền phạt tại chỗ trái với quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 26. Trình tự, thủ tục xử phạt.

Trình tự, thủ tục xử phạt phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 27. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính mà không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cường chế thi hành bằng các biện pháp sau đây:

a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản ngân hàng;

b) Kê biên phần tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

c) Áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt.

2. Người có thẩm quyền xử phạt có quyền ra quyết định cưỡng chế và có nhiệm vụ tổ chức việc cưỡng chế.

3. Lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế của Ủy ban nhân dân cùng cấp và phối hợp với các cơ quan nhà nước khác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế của các cơ quan đó khi được yêu cầu.

Điều 28. Khiếu nại - tố cáo.

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 88 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Công dân có quyền tố cáo những vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức và những vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt hành chính với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Nghị định này thay thế Nghị định số 49/CP ngày 26 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ và Nghị định số 78/1998/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ.

Điều 30. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết và tổ chức thi hành Nghị định này.

Điều 31. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 107/2001/QĐ-TTg ngày 17/7/2001
về việc áp dụng chính sách Khu
kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;